

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 77/2022/DS-ST

Ngày 25-5-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Tin

2. Ông Nguyễn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1956, địa chỉ: Số 37 đường Hoàng Hoa Thám, phường An S, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Đức D, địa chỉ: 547 Trần Cao Vân, phường Trường X, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; có mặt.

3. *Người làm chứng:*

+ Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1981, địa chỉ: 40/8 đường Duy Tân, phường Hòa H, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N/ 547 Trần Cao Vân, khối phố Xuân Đ, phường Trường X, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N, vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

+ Ông Hồ Văn L, sinh năm 1958, địa chỉ: Số 821 Phan Châu Trinh, phường Hòa H, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N, vắng mặt (có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt).

+ Bà Lê Thị Phương Th, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 3, thôn Phú Trung Đ, xã Tam X, huyện Núi Th, tỉnh Quảng N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Trước đây do quan hệ quen biết, bà có nuôi mẹ ruột ông D khi ốm đau, già yếu. Ông D làm ăn cần vốn nên bà có cho ông D mượn tiền nhiều lần. Đến ngày 21-8-2017, giữa bà và ông D kiểm tra chốt lại số tiền bà đã cho ông D mượn tổng cộng là 200.000.000 đồng. Lúc đó, ông D có viết giấy mượn tiền của bà số tiền nêu trên, với nội dung: kinh doanh gỗ. Trong Giấy mượn tiền nêu trên không có thỏa thuận lãi suất nhưng theo thỏa thuận miệng ở ngoài thì ông D trả lãi cho bà 2 triệu đồng/200 triệu đồng/tháng. Tổng cộng từ ngày 21-8-2017 đến ngày 13-7-2021 bà có nhận của ông D tổng số tiền lãi là 92.000.000 đồng (trong đó đã nhận 72.000.000 đồng trước đó và 20.000.000 đồng vào ngày 13-7-2021). (Trong số tiền lãi 72.000.000 đồng này thì trong đó đã tính thành tiền đối với 01 cái tủ 3 ngăn đựng áo quần là 13.000.000 đồng và 01 cái tủ thờ 9.000.000 đồng). Ông D có trả số tiền lãi như trên nhưng tiền gốc thì ông D chưa trả cho bà đồng nào. Đến ngày 30-12-2021, bà đến nhà ông D để đòi nợ, ông D nói đã trả hết rồi. Ông D yêu cầu bà đưa giấy nợ gốc để ông D trả tiền nhưng bà không đưa thì ông D đánh bà thì bà bỏ về, không báo chính quyền.

Đối với Giấy ghi ngày 13-7-2021 là tự tay ông D viết, bà có đọc nội dung, lúc đó là tại nhà ông D. Nội dung giấy viết này bà đã đọc kỹ: “Hôm nay ngày 13/7/2021. D thanh toán xong cho cô L không còn nợ nữa khoảng cuối (20.000.000) hai mươi triệu đồng”, người trả: ông D ký ghi họ tên, người nhận bà có ký ghi họ tên của bà vào nội dung tờ giấy này ông D ghi ngày 13-7-2021 là “Tôi có nhận 20.000.000”, số tiền này là số tiền lãi mà ông D phải trả cho bà.

Bà khẳng định không có việc ông D trả tiền cho bà hằng ngày từ tiền ông D bán hàng để cuối tháng tổng cộng lại đã trả bao nhiêu. Bà cũng không có sổ vàng nào ghi lại các nội dung trên như ông D trình bày. Còn trước đây, ông D có mượn của bà 01 cây vàng và 69 triệu đồng để ông D trả tiền hàng. Trước đây (không nhớ cụ thể thời gian nào), giữa bà và ông D có chốt lại là ông D còn nợ bà số tiền 300.000.000 đồng, có giấy ghi nợ của ông D. Sau đó ông D mượn thêm số vàng 1 cây vàng (bà đã bán được hơn 39 triệu đồng nên bà thêm vào cho đủ 40 triệu đồng và số tiền là 69 triệu đồng) nên sau đó ông D ghi vào phía sau của tờ giấy nợ 300.000.000 nói trên là có nợ thêm 1 cây vàng và 69 triệu đồng nhưng sau đó tại nhà ông D thì ông D đã xé mất tờ giấy này nên bà không còn giữ. Bà không kiện đối với phần này vì đã trả, hiện nay không có chứng cứ vì giấy tờ không còn, không có nên bà không kiện.

Số tiền hiện nay bà khởi kiện yêu cầu ông D trả 200.000.000 đồng (bà không yêu cầu tính trả tiền lãi) là nợ của Giấy mượn tiền ngày 21-8-2017 mà không liên quan gì đến tờ giấy ghi nợ 300 triệu đồng, 1 cây vàng và 69 triệu đồng ông D đã xé nêu trên.

- Tại bản tự khai, tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Đức D trình bày:

Khoảng tháng 5/2017 bà L đến nuôi mẹ ruột ông bị ốm. Sau đó ông có mượn của bà L lần đầu tiên năm 2017 số tiền 100.000.000 đồng. Ông trả tiền lãi cho bà L 6.000.000 đồng/tháng/100 triệu đồng. Ông trả trong 3 tháng 7, 8, 9/2017 là 18.000.000 tiền lãi. Đến tháng 10/2017 ông đã trả xong số tiền này cho bà L. Bà L tự xóa trong sổ ghi nợ của bà L, ông không giữ gì.

Sau đó, giữa ông và bà L thỏa thuận ông mượn tiền của bà L, khi hàng về bao nhiêu tiền thì bà L cho ông mượn để trả vì ông buôn bán gỗ và thỏa thuận trong ngày đó bán được bao nhiêu tiền thì ông gửi trả cho bà L. Mỗi lần mượn hay trả như vậy, bà L ghi vào sổ bà L. Đến ngày 21-8-2017 thì ông và bà L chốt lại và thống nhất ông còn nợ của bà L số tiền 200.000.000 đồng và ông viết giấy mượn tiền vào ngày 21-8-2017 cho bà L đối với số tiền này, nội dung: kinh doanh gỗ. Trong giấy không ghi lãi suất nhưng giữa ông và bà L thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau là ông trả lãi cho bà L là 12 triệu đồng/200 triệu đồng/tháng.

Sau đó, hằng ngày số tiền hàng bán được ông trả cho bà L, bà L ghi số tiền ông đã trả vào sổ vàng của bà L. Cụ thể ông đã trả bao nhiêu lần, được số tiền bao nhiêu ông không nhớ cụ thể, đến cuối mỗi tháng thì chốt sổ và ghi vào sổ vàng của bà L. Đến cuối năm 2018, giữa ông và bà L chốt sổ với nhau, tiền gốc thì ông đã trả hết. Tiền lãi thì ông còn nợ của bà L là hơn 12 triệu đồng. Lúc này ông nhờ bà Lê Thị Phương Thanh (người làm công cho ông) mang số tiền hơn 12 triệu đồng này đến nhà bà L để trả cho bà L nên ông không còn nợ bà L bất cứ số tiền nào.

Năm 2019, cũng với cách mượn tiền giữa ông và bà L để ông trả tiền hàng như trên. Ông mượn của bà L nhiều lần, tổng cộng là 300.000.000 đồng. Chốt lại hai bên ông ghi trong sổ vàng của bà L. Thỏa thuận lãi suất là 5 triệu đồng/tháng/100 triệu đồng. Hằng ngày bán tiền hàng được bao nhiêu ông trả để bà L ghi vào sổ, cuối tháng cộng lại, trả lùi dần như vậy. Đến những ngày cuối năm 2019, ông và bà L thỏa thuận bà L mua hàng của ông để cản trừ tiền nợ, cụ thể bà L đã mua 01 tủ quần áo, 3 buồng, gỗ xoan đào có giá 13.000.000 đồng và 01 tủ thờ có giá 9.000.000 đồng.

Sau đó hai bên chốt lại của năm 2019, ông còn nợ của bà L số tiền gốc là 94.000.000 đồng. Thỏa thuận lãi trả sau, chốt lại và có ghi vào sổ vàng của bà L giữ.

Đến gần Tết nguyên đán năm 2019 đầu năm 2020 (không nhớ ngày cụ thể), bà L đến nhà ông nói bà bị bệnh, cần tiền nên ông hẹn đến ngày 12-02-2020 ông trả tiền cho bà L. Đến ngày 12-02-2020, bà L đến nhà ông, ông trả cho bà L số tiền 94.000.000 đồng tiền gốc còn lại này, ông ghi nội dung trả tiền vào tờ giấy lịch cho bà L giữ, sau khi bà L nhận đủ 94 triệu đồng này thì hai bên thống nhất hủy tờ giấy đó nên nay không còn. Khi bà L nhận của ông 94.000.000 đồng nói trên thì có bà Hiếu (bán thuốc tây trước nhà ông biết, vì bà L lấy số tiền 94 triệu đồng này trả cho bà Hiếu 3.000.000 đồng bà L mượn của bà Hiếu trước đó).

Khi đó, hai bên thỏa thuận trả xong tiền gốc, chỉ còn lại tiền lãi của số tiền 94.000.000 đồng. Sau đó, ông bị tai nạn, nằm viện 4 tháng tại Đà Nẵng. Theo ông tính thì ông còn nợ tiền lãi của bà L là 16.800.000 đồng của số tiền gốc 94.000.000 nói trên nhưng bà L không đồng ý với số tiền lãi này.

Sau đó, bà L tự viết giấy nói ông còn nợ bà L 60 triệu đồng và 1 cây vàng (bà L đưa giấy này cho nhiều người xem) nhưng ông không có nợ bà L số tiền nào 60 triệu đồng và 1 cây vàng cả. Nhiều lần bà L đi nói với người khác nội dung này.

Đến ngày 13-7-2021, lúc đó có nhiều người đang làm tại nhà ông thì bà L tới đòi tiền. Hai bên cãi qua cãi lại nhiều. Sau đó, thống nhất số tiền lãi của 94 triệu đồng nói trên ông còn phải trả cho bà L là 20.000.000 đồng. Đồng ý vậy nên ông viết giấy vào sổ của ông nội dung: D thanh toán xong cho cô L. Không còn nợ nữa, khoản cuối 20.000.000 đồng. Bà L đồng ý và nhận, ký nhận ghi họ tên vào sổ của ông.

Do đó, đến nay cả tiền gốc và tiền lãi ông đều đã trả xong cho bà L, ông không còn nợ của bà L bất cứ số tiền nào. Thực tế, khoản cuối bà L đã nhận sau khi hai bên thống nhất là 20.000.000 đồng như giấy viết ngày 13-7-2021.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đầy đủ theo trình tự thủ tục các bước tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với ông Huỳnh Đức D về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Giữa bà Lê Thị L và ông Huỳnh Đức D có quan hệ vay mượn tiền. Hiện nay bà L, ông D đều sinh sống tại thành phố Tam Kỳ nên theo quy định tại Điều 26, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Theo nội dung thỏa thuận tại Giấy mượn tiền ngày 21-8-2017, giữa bà Lê Thị L và ông Huỳnh Đức D có xác lập quan hệ vay mượn tiền với nhau. Theo đó, bà L có cho ông D mượn số tiền là 200.000.000 đồng, mục đích để kinh doanh.

Ông Huỳnh Đức D thừa nhận tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa là giấy mượn tiền ngày 21-8-2017, có chữ ký, viết ghi họ tên bên người mượn tiền là do chính ông ký và viết.

[2.2] Bà L thừa nhận, theo nội dung giấy mượn tiền không có trả tiền lãi nhưng hai bên thỏa thuận miệng về việc trả tiền lãi, theo đó ông D đã trả cho bà tổng số tiền lãi là 92.000.000 đồng (trong đó đã nhận 72.000.000 đồng trước đó và 20.000.000 đồng vào ngày 13-7-2021). (Số tiền lãi 72.000.000 đồng này thì trong đó đã tính thành tiền đối với trị giá 01 cái tủ 3 ngăn đựng áo quần là 13.000.000 đồng và 01 cái tủ thờ là 9.000.000 đồng). Ông D có trả số tiền lãi như trên nhưng tiền gốc thì ông D chưa trả cho bà đồng nào.

Nay bà yêu cầu ông D trả cho bà số tiền là 200.000.000 đồng mà ông Huỳnh Đức D đã mượn theo giấy mượn tiền ngày 21-8-2017. Bà không yêu cầu ông D trả tiền lãi.

Sự thỏa thuận giữa bà Lê Thị L và ông Huỳnh Đức D với các nội dung vay mượn tiền tại Giấy mượn tiền ngày 21-8-2017 là có thật. Ông D và bà L đều thừa nhận trước đó bà L có cho ông D mượn tiền nhiều lần, đến ngày 21-8-2017 thì hai bên chốt lại bằng giấy mượn tiền nói trên.

Ông D thì cho rằng ông đã trả xong tất cả các khoản tiền gốc nói trên, kể cả tiền lãi hai bên thỏa thuận miệng cho bà L, cụ thể theo Giấy trả tiền ghi ngày 13-7-2021 thì bà L đã nhận khoản cuối cùng mà ông còn phải trả là 20.000.000 đồng. Ngoài ra, đến nay giữa ông và bà L không còn khoản nợ nào nữa.

[2.3] Xét thấy, bà L thừa nhận nội dung giấy viết ngày 13-7-2021 bà đã đọc kỹ: *“Hôm nay ngày 13/7/2021. D thanh toán xong cho cô L không còn nợ nữa khoảng cuối (20.000.000) hai mươi triệu đồng”*, người trả: ông D ký ghi họ tên, người nhận bà có ký ghi họ tên của bà vào nội dung tờ giấy này là *“Tôi có nhận 20.000.000”*. Bà L cho rằng hiện nay giữa bà và ông D còn các khoản nợ vàng khác nhưng bà không có chứng cứ để khởi kiện. Tại phiên tòa, giữa bà L và ông D đều thừa nhận, sau khi cho ông D vay số tiền 200.000.000 đồng (đang khởi kiện trong vụ án này) thì bà L có cho ông D vay số tiền 300.000.000 đồng nhưng số tiền đã vay sau là 300.000.000 đồng này ông D đã trả xong cho bà L. Bà L cho rằng số tiền mượn sau nhưng đã được trả trước, bà chỉ kiện số tiền ông D còn nợ 200.000.000 đồng trước đó theo Giấy mượn tiền ngày 21-8-2017. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có Quyết định yêu cầu các bên cung cấp tài liệu, chứng cứ, số theo dõi việc vay trả nợ nhưng các đương sự không ai cung cấp được. Ông D thì cho rằng hiện nay ông không còn nợ bà L khoản tiền nào cả. Bà L thừa nhận đã đọc kỹ và hiểu rõ nội dung tại Giấy viết ngày 13-7-2021 *“D thanh toán xong cho cô L không còn nợ nữa khoảng cuối (20.000.000) hai mươi triệu đồng”*. Bà L cho rằng, số tiền 20.000.000 đồng bà nhận ngày 13-7-2021 là tiền lãi nhưng nội dung nêu trên thể hiện đây là khoản tiền nợ cuối đã được ông D thanh toán xong cho bà L sau khi hai bên đã chốt lại với nhau.

Do đó, có đủ cơ sở để cho rằng ông Huỳnh Đức D đã trả xong số tiền 200.000.000 đồng đã mượn của ông D theo giấy mượn tiền ngày 21-8-2017. Hội đồng xét xử xét thấy, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông D về việc yêu cầu trả số tiền 200.000.000 đồng nói trên là có căn cứ, đảm bảo quy định của pháp luật.

Xét bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu ông D trả 200.000.000 đồng nói trên là nợ của Giấy mượn tiền ngày 21-8-2017 mà không liên quan gì đến tờ giấy ghi nợ 300 triệu đồng, 1 cây vàng và 69 triệu đồng ông D đã xé, bà không khởi kiện yêu cầu các nội dung này nên không xem xét.

Những người làm chứng trong vụ án chỉ biết được giữa bà L và ông D có quan hệ vay mượn tiền với nhau, còn số tiền vay mượn cụ thể bao nhiêu, đã trả được bao nhiêu, vào thời gian cụ thể nào thì họ không biết.

[2.4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L là người trên 60 tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí, tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với ông Huỳnh Đức D về tranh chấp hợp đồng vay tài sản yêu cầu ông Huỳnh Đức D trả số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng theo giấy mượn tiền ngày 21-8-2017.

2. Về án phí: Bà Lê Thị L được miễn tiền tạm ứng án phí và tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25-5-2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND TP Tam Kỳ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS TP Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Văn Khôi

